

LẠI THUẬT HAI BÀI TỤNG (CÓ LỜI TỰA)

Thương Anh và Phần châu tây hà tể Lý Kiệt đồng đến bái yết nơi tháp Thiền sư Vô Nghiệp, tiếc tháp ấy bị hư nát nên cùng nhau tu sửa lại hoàn chỉnh. Thế rồi, tháp tỏa phóng ánh sáng, lại mộng thấy Thiền sư Vô Nghiệp thong dong dẫn tiếp, tỉnh giấc mà xem lời ấy, thấy Thiền sư Vô Nghiệp hỏi Mã Tổ về tâm ấn từ Tây Vực truyền lại. Mã Tổ bảo: “Đại đức! Ở nơi ồn náo, hãy tạm đi”. Thiền sư Vô Nghiệp đi. Mã Tổ lại gọi: “Đại Đức!” Thiền sư Vô Nghiệp xoay đầu lại. Mã Tổ bảo: “Là gì vậy?” Thương Anh nhân đó tỏ ngộ chỗ thấy ở Đài Sơn mà làm hai bài tụng rằng:

*“Bốn lược vào núi lở cát tường.
Năm sắc mây sâu nhìn ngời ánh
Mà nay chẳng đánh trống định ấy
Vì báo Thiền sư chớ phóng quang.
Là gì vậy? Là vì vậy?
Trước điện La Hầu đèn tợ lửa.
Chẳng nhân Mã Tổ gọi xoay lại.
Kịp bị Thiệu Tài lén trộm nhìn.
Tỳ lam gió bỗng cao chín trời.
Cò trắng mắt mù lá chạy qua”.*

Cung bị khố sử đồng quản cú Hà Đông duyên biên an phủ tuy công sự thị Kỳ Quán, năm Canh Ngọ (1090) thuộc trong niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, lúc đang trấn thủ tại Kỳ Dương. Đề hình Trương Công (Thương Anh) đi bộ qua quận, đem bộ “Tục Ngũ Đài Thanh Lương truyện ký” ra tỏ bày cùng quán, là Trương Công ngày trước tổng lãnh Hiến Hà Đông, biên ghi sự hiện hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở Ngũ Đài sơn thù thắng kỳ dị, thật là chỗ tai chưa nghe mắt chưa thấy. Quán đọc xem vài ba phen, hận chưa được tiện để chiêm lễ Thánh cảnh, nhưng tâm thành thực đau đầu chưa từng quên ngay trong ức ngủ nghĩ. Mộng thấy đến trước một ngôi tháp cao, có vài vị Tăng mặc y tía lễ bái, reo hô “Bồ-tát xuất hiện”. Quán cũng theo đó mà chiêm ngưỡng trông nhìn. Lâu sau đã tỉnh giấc thì mới cho là bởi tinh thân nghĩ tưởng khiến nên, im lặng vã ghi nhận đó. Tháng năm năm đó (1090) bỗng lằm nhận ân đời đến nhậm phó tuy, chợt gặp bạn đồng liêu cùng bảo rằng: “mùa hạ nắng nóng, đường dài đáng sợ, mây trắng từ đáy khe suối nhảy vọt ra thẳng lên. Sa-môn tăng chánh Tỉnh Kỳ bảo:

“Đó là mây tốt lành vậy”, ánh ngời cả núi như bình phong bạc, vách đứng chẳng lay động, chốc lát hiện bốn vầng sáng, cuối cùng hiện một ánh sáng gom nhiếp thân, xoay quanh như bánh xe lớn, năm sắc rực rỡ không thể sánh ví, chẳng gá nơi mây khí, chẳng tựa nơi ánh sáng mặt nhật, hiện trên tảng đá cùng cách trước mặt chưa đến vài thước đất. Tự thấy ảnh bóng sau lưng mình hiện trong tướng ánh sáng qua chốc lát mới tan. Chư tăng đều cùng bảo rằng: “Vầng sáng hiện trong mây, thì từng được chiêm ngưỡng kính lễ, còn như trên đá chỉ khoảng thước tấc, từ trước đến nay chưa từng thấy vậy”. Cùng trông xem có hơn trăm người, không ai chẳng cúi đầu lễ bái, phát khởi kính tin, tán thán sự chí thành cảm nên khác lạ như thế, chỉ thời gian ngắn, mây bay sương móc tự động, tiếp đến là mưa nhỏ. Bèn cùng mọi người xuống đài. Bởi vì việc quan bức gấp, ngày sau ra núi. Quán tự kính tin chẳng nói cùng mọi người. Lấy tướng ánh sáng mà ngày nay quán trông thấy có thể tin được chỗ thấy Thánh tượng thù thắng, ánh sáng linh cứu báu của Trương Công trước kia, đâu phải là nói hư dối ư? Quán bèn viết thư để báo việc ấy với Trương Công. Trương Công viết thư đáp rằng: “Trước kia có được thư ông gửi đến, muốn đi đến Đài Sơn, phát xuất chí thành, hẳn biết có chỗ thấy, mới biết người xưa trong vô lượng kiếp tu hành, nhân quả chẳng mê muội, đâu có thể cùng hàng thế tục mù điếc mà nói vậy. Sau “Tục truyện”, có thể biên lời tựa thuật về điều thấy và thơ. Sau đó chẳng phải vì khoe khoan với người, mà cốt yếu mọi người trong thiên hạ sinh tâm kính tin. Đó là ý nhận thọ sự kỳ biệt của Phật vậy”. Quán cố biên ghi, về sau mọi người đọc xem đó, cho là lời tôi, phải ư? Hay là quấy? Đợi người tin, sau mới tin đó, tôi nói hẳn không dối vọng vậy.

Phụng nghi long thú thượng thư hình bộ viên ngoại thổ trí hội kế Hà Đông lộ tài dụng Tiều Cái nhất tâm quy mạng kính bạch rằng: “Đại từ đại bi Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát. Cúi mong xét tự nghĩ nhớ Tiều Cái tôi may sinh trong đời người, mừng gặp được thời tốt, được làm thân nam tử, sáu căn đầy đủ, chợt duyên đời ưu thưởng, được tuổi theo đường quan, thẹn không bù bổ việc trợ giúp, nhọc tự càng lắm quá ác, hưởng gì trái qua vô lượng kiếp, tạo tội nhờ ở Giác Từ, thì đâu có thể khỏi đắm chìm nơi thú khác, dụng phải lâu dài chí thành một niệm, mong nguyện đến Ngũ Đài, tẩy rửa tự tâm, sám bày tội quá. Nay đây, may duyên dẫn mạng, cung kính cúi rạp nơi Linh Đàng, chiêm ngưỡng dung nghi muôn đức, nhìn thấy ánh sáng ngàn thứ, đâu chỉ thấy chỗ chưa từng thấy, thật cũng nghe được điều chưa từng nghe”. Thối lùi trông nhìn, minh ngoan thật làm dung ngộ, đã tỏ bày mừng vui sám hối

kính cẩn, cúi đầu bái tay mà nói bài kệ rằng:

*“Kính lạy Đức Văn-thù
 Xưa làm tổ bầy Phật.
 Từng phát nguyện đại bi.
 Độ khắp các hữu tình.
 Nhớ kia phương đông bắc.
 Đó là cảnh Thanh Lương.
 Năm trăm rông thần ở.
 Quyến thuộc vạn Bồ-tát.
 Giáo hóa nơi nước này.
 Thị hiện vô lượng sáng.
 Người nghe khen hiếm có.
 Huống gì chỗ mắt thấy.
 Tôi trong kiếp xa xưa.
 Từng gieo giống cúng dường.
 Nay lại được thân gần.
 Trông nhìn khác với thường.
 Nhớ vô lượng kiếp lại.
 Có tội tạ hàng sa.
 Một được tướng ánh sáng.
 Tự nhiên đều tan diệt.
 Lại nghĩ các chúng sinh.
 Cùng ta đồng thể tánh.
 Nương sức thắng diệu này.
 Là khổ đều giải thoát.
 Nay ta trọn quy y.
 Kính lễ phát nguyện lớn.
 Nguyện suốt đời tương lai.
 Thường ở trong hội Phật.
 Một nghe lời vi diệu.
 Tức chứng đạo vô thượng.
 Cõi hư không mười phương.
 Hết thấy các hữu tình.
 Đều nguyện đồng tâm ta.
 Chóng ngộ vô sinh nhẫn”.*

Ngày mồng 08 tháng 06 năm Kiến Trung Tỉnh Quốc thứ nhất (1101) thời Bắc Tống, Bái Tán.

“Du Đài Lục”, phụ tiếp theo sau, nói: Năm Kiến Trung Tỉnh Quốc

thứ nhất (1101) thời Bắc Tống, Tiều Cái ở Ngô Hưng, sắp nhận mạng đến Hà Đông. Ngày mồng 03 tháng 06, từ Nhạn Môn đi đến Định Tường, trải qua viện Chân Dung ở Đài Sơn. Bấy giờ, Nhâm Lương Bật ở An Lạc, Nương Trục Phương ở Thái Nguyên cùng đồng đi. Đêm đó, khẩn cầu nơi Hiên Thuy ứng, có đèn bạc hiện ở phía tây của Bắc Đài. Ngày hôm sau, cúng dường Chân Dung và các Thánh tượng xong, sau giờ ngọ, Bồ-tát hiện đại chân tướng ở nơi đầu ngọn mây, các hàng nường theo đều đầy đủ, lại thấy thế giới kim sắc tỏa sáng khắp xa gần. Đêm đó lại hiện đèn vàng lớn như mâm chén từ trên ngọn rừng tùng phía trước hiên. Ngày mồng 05 trước tiên lên Đông Đài, sau giờ thân, hiện mây lành năm sắc, tướng trạng như Bảo-đà-la, từ từ hiện sắc trắng ngay ba vầng sáng cao bày giữa trời, hai vầng sáng hồng biếc ngay thẳng giăng ngang suốt vài dặm. Trong hai vầng sáng ấy, một vầng tựa như mặt nhật mới ló dạng. Lại hiện hơn mười ngọn đèn vàng. Còn một vầng tựa như đèn sáp có vầng sáng chói tỏa. Ngày mồng 06 đến Bắc Đài, lên Trung Đài cả bầu trời sáng rỡ không mây, sau giờ mùi khẩn thành cầu đảo, trước tiên hiện vô số mây lành năm sắc, giữa ấy có cây bảy báu và tướng trạng tựa cỗ thơm tòa báu, phía trước có người thiết kế lễ kính bái mũ đai đều đầy đủ. Thế rồi mây lành hiện nổi ở trên viện Chân Dung và giữa khoảng các núi, bèn từ phía Đông nam hiện vầng ánh sáng và ba cầu vàng. Đường bằng phẳng mà lan quế đều có đủ. Trên cầu, hiện Bồ-tát đội trượng. Lại ở giữa khoảng mây, hiện cảnh giới Hoa Nghiêm, thêm báu vàng ngọc, hình thể dàn bày ngời ánh, đồng thời hiện sư tử bạch kim ngồi xổm nơi đất, tai mắt hình nghi tựa sống, nhân đó khẩn cầu tướng ánh sáng hiện lại gần để phô bày tín tâm. Bèn ngay dưới hang hiện vầng sáng, hoặc lớn hoặc nhỏ nhiều vô số, từ từ hợp lại làm thành một, phàm có ba lớp năm sắc trong tám vầng sáng, có tượng Bồ-tát cõi sư tử, lại hiện vòng tròn ngay ánh sáng vàng đến chiều tối mới tan. Sáng sớm ngày mồng 07, bái thỉnh tướng ánh sáng gom nhiếp thân, liền hiện ở phía tây của Trung Đài có sáu, bảy vầng, riêng hiện hai vầng sáng thông thân, và 50, 70 vầng sáng năm sắc, tiếp theo hình thể mây nổi ở nơi cửa cốc thẳng lên phủ cả Tây Đài, lâu sau chẳng tan. Lại ở trong mây hiện cầu vàng, và dưới hang hiện vài vầng sáng lớn, gặp gần trên mọi người có ánh sáng rực tỏa ra bốn phía, phàm các thứ kỳ đặc, đã khác so với thường. Lại nhiều ngày tạnh ráo không mưa, cả đạo tràng đại chúng hoan hỷ vui mừng nhảy nhót, ngợi khen điều chưa từng thấy nghe. Nhưng đây chỉ mới đầu biên ghi đại khái. Ngoài ra, các mây may đều chưa dễ nêu thuật. Trước đó, ngày mồng một, rời khỏi Nhạn môn,

vừa đến giữa đường, đã có ánh sáng năm sắc ngay thẳng, hiện ở phía bắc của Đài Sơn, là điềm ứng linh tích ở ngày nay vậy. Sau khi đã trở về lại viện Chân Dung, thiết lễ cúng dường Phạm tăng, kính tin lễ bái cảm tạ mà đi.

*Đề về viện Chân Dung ở núi Ngũ Đài.
 Lý sư Thánh ở Bộc Dương biên thuật.
 Phạm thư năm đánh, phủ Thanh Lương.
 Đông băng hạ tuyết không nắng đốt.
 Tôi đến tháng bảy buồn hết lạnh.
 Hướng gì tịch mặc thu vẫn mưa.
 Tin không nắng tàn cũng không lạnh.
 Tự nhiên thiên giới tự tinh thần.
 Chân Dung nền cũ chùa Thấu Phong
 Bờ sườn núi cao hùng kim cổ.
 Phương tây lâu quán dài thăm thẳm.
 Sáng rực vàng ngọc nhà hoa sen.
 Sườn cao vôi vọi giá cây gỗ.
 Thần vật giữ gìn cây hiểm nguy.
 Vàng ngọc rủ không rèm điện hưởng.
 Vô vàn phụng sát đua chen múa.
 Nhớ xưa Văn-thù ra nhà lớn.
 Kim Cang hang báu suốt đất tây.
 Người già dẫn trâu uống suối ngọc.
 Hai con một chó làm nữ nghèo.
 Biến hóa vô phương lợi hữu tình.
 Như vậy trời tây, tổ bảy Phật.
 Lại nghe cảnh giới của Thanh Lương.
 Không cùng bày vết ghi diệu ngữ.
 Ta có tâm thành rượt mọi người.
 Thần kỳ thụy ứng tự mắt thấy.
 Phúc chốc tướng sáng hiện thước tắc.
 Động ngọc đèn vàng rõ tính được.
 Tùng sam lay động, trong núi cốc.
 Đêm vắng Thái Âm rỗng hổ ẩn.
 Lâu sơn các tía trước hương án.
 Kính sợ sinh tâm, ai dám khinh.
 Từ trước mê thuật như mộng tỉnh.
 Trước tam sao tam cần chớ thủ.*

*Ta nay chẳng khởi tướng trước sau.
Đốt hương kính lễ chủ Thanh Lương.*

Ngày 29 tháng 07 năm Sùng Minh thứ 03 (1104) thời Bắc Tống, đốt hương bái tán.

Ghi ký về thụ ứng ở Đài Sơn.

Chu Biện ở Giang Đông soạn thuật.

Chư Phật, Bồ-tát và đại A-la-hán, xót thương hết thảy hữu tình thường tỏa phóng cảnh quang để dẫn dắt kẻ mê khởi sinh tâm tin, nhiếp phục có đồng có dị, phàm núi đất nơi ưu thắng hiện bày cảnh giới, có nơi chốn ở đó, có mắt trông thấy đó. Vì nhân duyên ấy nên người nắm phù ngự cực, đồ bản trong vườn nhà, thường luôn đàn trải Từ Vân để che phủ đó, đất nông tuệ nhật để soi chiếu đó, rưới mưa pháp để đượm nhuần đó. Mà chẳng quên chú trọng, như Thiên Đài Ngũ Đài, sánh như Châu Quận riêng đặt tăng quan khiến đốc trách chỉnh sửa mọi người mà trang nghiêm cung điện. Bối búi tóc xa báu, oai thần ở vườn nhà, không thể chẳng chỉnh túc vậy. Nhận môn sứ quân chiết hầu nhan văn xuống xe chưa qua thời gian ngắn, vì con thơ bùa bõn binh lính nơi cốc khe suối, áo lụa mang báu, vết bắt đến dưới đài, cùng với lệnh tá trong áp phụng dâng hương hỏa thiết lễ ở trước tòa sư tử. Khó của năm phần hương tỏa khắp giữa hư không cao vút thẳng lên, chợt nhiên đổi sắc mặt, dẫn người trông nhìn bốn phía, mắt không được nháy, không nhỏ không lớn, mỗi có chỗ thấy, bảy lớp mây năm sắc, sáu lớp mây trắng, một lớp mây đen, ba chiếc cầu vàng, năm vàng ánh sáng tròn, mây năm sắc có đội mây trắng làm mũ, mà trong đó có động, có như vầng sáng tròn, có như mặt nhật vừa ló dạng năm sắc sáu-bảy lớp. Có như đá trơ trội xanh đen tròn mà cao vút ra ngoài, có như hoa tiên phô bày lẫn lộn, có như hoa tiên mà hiện tượng Bồ-tát ở trên. Trong mấy trắng cũng có trong mấy trắng cũng có tướng Bồ-tát thụ nghiêm, có phần tán như chỗ Văn-thù cưỡi, có cầu trời như rồng bay lên, có ánh sáng giăng ngang xanh vàng hồng lục mà cùng gian cách. Có như ngọc thạch làm Phật Quang, trong mây đen có riêng hiện sư tử. Cầu vàng có như cá kinh cá ghê mang trời, có như cầu vồng mà giữa cắt đoạn, có trùng điệp như vây cá sắp lớp. Trong ánh sáng tròn có chuỗi ngọc xâu liền, có hiện lưới vàng mà sáng chói lóa mắt người. Sử quân đồ nghi sự việc ấy mà nó cùng tôi rằng: “Đó là tôi và mọi người đồng trông thấy. Như kia biến hóa sắc thái trăm thứ khéo léo cũng chẳng thể làm nên hình trạng ấy, tôi cũng chẳng thể nói được vậy. Ông hãy vì tôi mà biên ghi việc ấy”. Tôi (Chu Biện) bảo: “Mạn-thù-thất-lợi ở trong núi này, vì dẫn

dắt quần sinh mê mờ, hiện bày phương tiện ấy, sứ quân được Đại Thánh mở bày, đâu phải không có sở nhân ư? Xưa kia Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ, khắp thân mình tỏa phóng ánh sáng, ánh sáng ấy sắc màu vàng ròng nhiều quanh vườn kỳ đà khắp cùng bảy vòng, soi chiếu đến nhà Tu-đạt, giống như đoàn mây, cũng toàn sắc màu vàng ròng. Tu-đạt là vị đại đàn-việt của Phật. Đuốc ánh sáng ấy trước đến nơi nhà vì muốn dẫn dắt tâm mê khởi sinh kính tin, nhiếp phục có đồng có khác vậy. Sa-môn Minh Sùng là bậc thượng thư ở núi từng bảo rằng: “Gia đình tôi đã phụng thờ Phật lâu xa, từ đời Cao Tăng lại nay thường đến núi ấy, mở môn đại thí”. Thì Mạn-thù-thất-lợi chỗ thị hiện nay đây, cũng như ở nơi Tu-đạt của Thế Tôn vậy. Có thể chẳng ghi ư? Tôi nghe cư sĩ vô tận (Trương Thương Anh) trong khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, từng đến núi ấy, làm “truyện Thanh Lương”, thần hóa biến dị, và những điều tự thân trông thấy đều biên ghi đầy đủ, mà người tam vị thiền duyệt, hoặc có lấy làm bệnh, tôi cho rằng: “Cư sĩ Vô Tận bình sinh vận tâm từ của chư Phật, Bồ-tát để giúp đời cứu vật, biên thuật về Thanh Lương do vì dẫn dắt người chưa ngộ, cũng vì mọi người mà thiết bày vậy. Do vì thân tâm không thích chẳng thể nên bấy giờ làm nguyên thủ chỗ muôn dân đồng tôn sùng kính ngưỡng, đối với giáo pháp, làm ngoại hệ thì là chỗ cậy nhờ của hàng Thích Tử, sứ quân có thể chẳng rơi lạc mùi thơm ở đời, lấy tâm của cư sĩ Vô Tận làm tâm mình, dùng để báo đáp ý của Mạn-thù-thất-lợi mở bày, và đó là chỗ tôi vốn hoài mong, cũng là điều tôi vui thích viết vậy. Mới đầu, tôi muốn vì sứ quân biên ghi việc ấy mà chưa có được kết quả, các ông do mặc uyển chuyển nói sự khẩn thiết của sứ quân, đã chẳng thể chối từ, lại từng thấy thượng thư ấy là do Sa-môn Minh Sùng bảo: “Ngay lúc ấy, tôi cùng Sa-môn tăng chánh đại đức Tinh Tuệ, Lân phủ tổng chế chiếc chiếc khả trực, kịp cả tăng chúng ở chùa thật theo, chỗ sứ Quán cùng trông thấy, việc ấy chẳng hư dối”. Khi ấy bèn biên ghi.

Ngày Tây ty tháng sáu năm Tân Dậu (1141) thuộc niên hiệu Hoàng Thống (1141-1149) thời nhà Kim.

LỜI TỰA SAU (LỜI BẠT)

Văn Sung Lão nhân Tùng Khê ở viện Chân Dung, Tử Phủ thuật rằng.

Cúi nghe: Đại Thánh độ sinh giáng vết vô phương, nơi ứng hiện không gì chẳng ích lợi. Tuy chẳng hạn cục nơi hình giáo, khiến có chỗ quy tâm chẳng chỉ một phương, nên Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi chúng ta khéo giẫm lên chân giác, lắng nghe thói trần, vắng lặng nơi cảnh vực vạn hóa, động dụng ở trong một khu, thị hiện ở nhân vị mà quả suốt nguồn nhân, chẳng xả bỏ tâm bi, thường ở tại Tử Phủ, trong ba ngàn cõi có một Thanh Lương. Giữa muôn ức nước không hai hiện Văn-thù, Tịnh cư Phạm thế đượm phục đạo mà dốc lòng. Hoa tạng các trời cõi dục thấm hưởng phong hóa mà chấp tay. Vì vậy, thống lãnh mười vạn chúng Thánh, nhiếp phục 500 rồng độc. Đèn vàng ban đêm đốt cháy sáng rực trước núi biếc, khí láng sáng sớm đón nghinh tỏa ngời trên núi xanh, tinh ba hy kỳ từ trời rơi xuống đầu hạn cuộc ở xuân thu. Trăng tỏ hiện suối nước nào phân ở đầu cuối tháng. Từ đó, nhiều đời vua tôi kính lễ, trước thuật tích chứa càng nhiều, truyền tỏa trăm đèn tiếp nối chẳng dứt, nên có thể gọi là thắng ngôn. Xưa trước, trong triều đại Bắc Tống, thừa tướng cư sĩ Vô Tận Thiên Giác (Trương Thương Anh), mộng đến Tử Phủ, khi đã đến nơi thì không khác, thấy cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, trông nhìn thân quang nhiều vô cùng tận, tấu trình đầy đủ. vua nghe thế lại gia tâm tu sửa, nông trang sản vật ruộng đất nhiều gấp bội với Tiên Đế, sơn môn ánh ngời, chúng tăng đông nhiều. Từ đó, non cao núi lớn, vách vút khe hoang, những ngôi nhà lam xưa cũ không gì chẳng dứt tuyệt. Mãi đến Tuệ Kim vẫn còn Tùng Phong, Linh tích, thơ tụng, ca từ, truyện Thanh Lương v. v... có hơn mười bản. Gần đây, nhân vì giặc dã đổi thay, từng gặp phải hỏa hoạn hư phế, rơi lạc tản mác chẳng còn. May tại chỗ Sa-môn pháp tràng ở Hà Tây. Có được một bộ “truyện Thanh Lương”, tôi bèn sao chép biên tập, xét khám không sai, phỏng tìm các nơi có duyên, chung khắc bản lưu hành. Tại bản sơn có Sa-môn nghĩa tường là bậc anh tuấn bác học, sùng phụng hiền nhân, mến chuộng xưa cổ, xót thương bị thành khẩn của tôi, mà dốc hết y vật của chính mình và khuyến dụ các tín sĩ, bảo thợ khắc bản, không mấy ngày mà hoàn tất. Cầu chúc với tôi rằng: “Lão túc ở sơn môn biết được nhiều việc vậy, tường tự biên thuật nguyên do ghi tiếp ở cuối truyện”. Tôi vì ngày trước khuyến thỉnh nay việc đã xong, sự tình không miễn

khởi nên liền thuật lại vậy. Đây là nhân lớn, cầu chúng Nghiêm Hoàng đế muôn năm, thần tử ngàn năm, quyến thuộc thiên tử trong nội cung phước lộc xa lớn, thí chủ trợ duyên tăng thâm tuổi thọ, pháp giới hữu tình đồng lên bờ giác.

Ngày 19 tháng 06 năm Hồng Võ thứ 27 (1394) thời nhà Minh, tôi cùng bốn chúng có hơn 190 người đến Đài Sơn lễ bái cảnh hóa của Đại Thánh Văn-thù, thấy được tướng ánh sáng, Thánh Đăng, ngàn muôn trạng thái biến hóa, linh dị chẳng thể lường, mừng vui chẳng thể giảng nổi, thật chỗ đáng gọi muôn kiếp bụi trần, một lúc chóng dứt. Suốt khoảng thời gian đi tham quan, chợt gặp Thiên giả Kim ở Bảo Phong cũng là người thuần hậu, đến nơi chùa cổ Thanh Lương, xả thí hết y vật của cải tiếp nhận các hàng tăng tục đi tham lễ, suốt 13 năm như một lần đầu, tứ sự cần dùng không gì bị thiếu thốn. Quý báu trong pháp môn là chư tăng khổ hạnh tạo phước. Tôi rất lấy làm tốt đẹp đó, một ngày nọ, đốt hương đánh lễ mà cùng bảo rằng: “Núi này là nơi Đại Thánh ở, sự may đặc biệt chưa chiêm lễ, có thể gọi là ngàn năm khó gặp vậy. Từ xưa, các vị du phương tham quan, phần nhiều là vua tôi quý tộc, Thạc đức đại Nho đều có thi kệ, phát huy Thánh tích, nay xin sự cho một lời tán vịnh về cảnh Thánh và khuyết phát nỗi lòng tôi cũng chẳng được ư?” Tôi nói: “Cảnh giới của Đại Thánh, lấy hư không làm miện lấy núi Tu-di làm lưôi còn chẳng thể ngợi ca được một trong muôn phần, huống hồ cảnh giới của Đại Thánh chẳng thể nghĩ bàn, trí thức đâu có thể thấu đáo ư?” Nhưng chối từ chẳng được, bèn vụng viết bài kệ tụng để lấp bít sự thỉnh mời đó rằng:

*“Thượng nhân thăm lễ mạn thù già.
Được nghe đất động lông vàng rống.
Tâm dứt nghi ngờ đều hết sạch.
Giữa trưa xoay mặt trông Bắc Đẩu
Năm non rậm vút lạn trời cao.
Cúi nhìn các chùa như bày trái.
Núi sông đất liền toàn vàng ròng.
Cây rừng ao suối tỏa ánh sáng.
Kiếm báu tựa trời lạnh.
Thánh phàm tình quét sạch.
Năm trăm hiền Thánh tăng.
Ngay đó là phiền não.
Tựa ngã lão tử Thích Ca.
đất vắng cư sĩ Tịnh Danh.*

*Thích Ca phân sơ chẳng xuống.
 Cư sĩ uống khi nuốt lời.
 Giết sống trời bắt ra nghĩ bàn.
 Hạnh nghịch hóa thuận vượt tình thường.
 Núi đao cùng nhà đẹp.
 Thường đàm nói Tứ Đế.
 Nhổ bần bít ngay mới thật nghe.
 Đại trí rộng suốt chẳng ngại được.
 Mỡ giết oan trái đều thuyền môn.
 Đạo nhân phỏng muốn lại cùng thấy.
 Phiên thân ép ngã điện ánh ngời.
 Cửu đảnh mất chánh hết hiềm ngờ.
 Đầu Phật, đầu Phật, toàn thể hiện.
 Từ đây đi khắc các cội Phật.
 Ở nơi chỗ Phật nghe diệu pháp.
 Mỗi một Tam-muội được tống trì.
 Lợi tha tự lợi nguyên không thiếu”.*

Sùng thiện ở núi, tánh triệt đồng nhiên ở am Dã nạp tử tại Nhạn môn biên ghi trên đá ở Thanh Lương-đài Sơn.

Cổ Tinh Sùng Thiện thiên tự.

Thường trú biên ghi.

“Truyện Thanh Lương” của Sa-môn Thích Tuệ Tường thấy ở sử chí thời nhà Tống, “Quảng truyện” và “Tục truyện” thì trong sử chí và tạng thư chí các nhà đều chẳng biên lục. Hà Mộng Hoa (Nguyên Tích) ở Hàng Châu có được đó, chỉ bày cùng Nguyễn Văn Đạt. Nguyễn Văn Đạt biên lục tấu trình, ở đời mới biết có sách ấy vậy.

Quyển trục ở Thiên Phủ đã chẳng phải chỗ tranh cỏ có thể lên nhìn dòng họ Nguyễn Văn chọn soạn lâu sách lại bị hỏa hoạn thiêu hủy, người cất chứa sách vì chẳng được thấy lấy làm hận được nghe, nguyên bản sách này cất chứa ở lầu nhà họ Lục Bức Tống tại Quy An. Triệu Quân Bá ở Võ Lăng cất chứa nơi kín để lúc rảnh rồi được mượn đọc xem, giấy đã giòn vỡ chẳng thể xúc chạm, bên trong bỏ sót quyển trung của “Quảng truyện” Thanh Dực sợ có ngày sẽ bị mất tích, mới biên lục phó tử, lại vì sót quyển nên lấy làm giận. Vừa rồi, nhà họ Đinh ở Tiền Đường chỉnh tu nhà kho có bản sao, thì quyển sót thiếu hiện còn vậy. Vội hợp tử ấy phụ giúp thành toàn biên, bản sao, chữ đối ngụy lắm nhiều, nhưng không thể kiểm hiệu chỉnh sửa, mới đầu bèn y như cũ. Nghĩ nhớ Hàm Phong đền trị nhàn vết vân du ngâm lưu ẩn tại

Thái Nguyên, cách Đài Sơn chỉ vài trăm dặm, dầm trần buộc vó, cuối cùng chùa đến lễ bái Linh Phong, nay gồm sức ngày một suy yếu, dừng bóng ở Đông nam, năm đánh núi mây không phân đầu gieo vết, hương hỏa men duyên keo kiệt, vỡ về sách mà thở than.

Tháng mười năm Giáp Thân (1884) thuộc niên hiệu Quang Tự (1875-1909) thời nhà Thanh, Ngô Huyện Tương Thanh Dực tự là kính thần biên ghi.

Từ khổ chưa gom thấu thư mục đề yếu (ghi trưng khanh thị nghiên kinh thất ngoại tập).

“Cổ Thanh Lương truyện” hai quyển.

“Quảng Thanh Lương truyện” ba quyển.

“Tục Thanh Lương truyện” hai quyển.

Thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Tuệ Tường soạn thuật “Cổ Thanh Lương truyện”. Đến thời Bắc Tống, Sa-môn Thích Diên Nhất soạn thuật “Quảng Thanh Lương truyện”. Còn “Tục Thanh Lương truyện” do Trương Thương Anh, Chu Biện ở thời nhà Tống biên thuật, hai bộ Quảng và Tục, các nhà cất chứa sách phần nhiều chưa biên ghi, chỉ có “Cổ Thanh Lương truyện” thấy ở sử nghệ Văn Chí thời nhà Tống. Phàm các thứ phương hướng thành vực danh thắng cho đến Linh tích cao tăng không gì chẳng biên ghi rõ ràng. Sa-môn Diên Nhất gom nhặt nên thật, suy rộng tốt lành lưu truyền, lại ghi chùa chiền danh tiếng, thắng tích. Cho đến các thứ thuốc vật linh di, trong đó phần nhiều xen lẫn đến Nho gia, vả lại có cả nhân văn trong sáu triều đại, như tán thán tôn tượng Văn-thù của Sa-môn Thích Chi Tuần ở thời nhà Tấn, lại thêm có tán thán của Khích Tế Xuyên, Ân Tấn An đều là chỗ ở đời hiếm thấy. Mà lời tựa của Sa-môn Chi Tuần rất đủ để bổ túc chỗ sót của tập gốc, như Vương Bột có Thích Ca Như Lai thành đạo ký, Thích Ca Phật Phú, Kim Tứ kiện tập, Văn Uyển anh hoa đều không có. Biên ấy hoặc do vì trong khoảng niên hiệu Đại Định (1161-1190) thời nhà Kim, tạng bản trong chùa cuối cùng phụ biên thân Bồ Đà truyện, Nga My Tấn là người thời nhà Nguyên biên tập giải thích rõ ràng lại theo mà phụ biên đó vậy.

Căn cứ nguyên bản sách ấy, nay hiện ở lầu nhà họ Lục Bức Tống tại Quy An, thật là bản khắc của chùa Sùng Thiện tại Sơn Tây trong năm Bính Tý (1396) thuộc niên hiệu Hồng Võ (1368)-1399) thời nhà Kim, cuối cùng tiếp thêm phần Sa-môn Tánh Triệt ở chùa Chiêu Mộ khắc ghi duyên khởi rằng: “Khắc lại bản in Thích Ca phú, Đế Vương sùng giáo sự tích, Thành Đạo ký, Bồ Đà truyện, Thanh Lương truyện hợp thành bộ mà ấn hành”. Còn hai bài của Vương Bột, mỗi tự làm

thành sách, chẳng ở nơi truyện của Sa-môn Diên Nhất. Lại nữa, Khích Tế Xuyên là người sống trong khoảng niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) thời Bắc Tống. Đề tựa của Quảng Thanh Lương truyện, người biên soạn đó cũng chẳng phải sống trong thời đại Lục Triều. Đó đều là do sự sai lầm của Đề Yếu. Bồ Đà truyện là do Thạch Hy Minh người thờ nhà Nguyên biên soạn, xuất xứ của Thạch Hy Minh là trong thư sử hội yếu của Đào Cửu Thánh, Đề Yếu cũng chẳng kịp khảo cứu nguyên bản của Tánh Triệt, không có Nga My Tán. Năm Nhâm Ngọ (1462) thuộc niên hiệu Thiên Thuận (1457-1465) thời nhà Minh, chùa Quảng Duyên ở Ngũ Đài khắc lại bản in sách ấy, mới bắt đầu phụ tiếp theo (nhà họ Đinh ở Tiền Đường sửa chữa nhà, có được bản sao, là y cứ vào ảnh bản khắc trong niên hiệu Thiên thuận mà biên tả, hàng chữ thấy đều đồng như ở bản khắc trong niên hiệu Hồng Võ, chỉ có bản tiếp khắc tên họ người cúng thí tiền là khác).

Nay, Thích Ca Phật Phú và Thành Đạo Ký của Vương Bột đã khắc vào trong bộ Vương Tử An tập quyển thứ 20 theo chỗ ghi chú của Thanh Dực. Còn Sùng giáo sự tích, phần nhiều nịnh hót lời Phật, Nga My Tán rất là hẹp lặn quê kệch. Đại khái tước bỏ chẳng khắc, chỉ khắc Thanh Lương truyện, Bồ Đà truyện v. v...

Tháng mười năm Giáp Thân (1884) thuộc niên hiệu Quang Tự (1875-1909) thời nhà Thanh. Ngô huyện Tương Thanh Dực tự là Kính Thần biên ghi v. v...

